

Biểu mẫu 05

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

TRƯỜNG TIỂU HỌC DOI LẦU

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học, năm học: 2020-2021

(Giữa HKI)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Những em sinh năm 2014 theo kế hoạch số 92/KH-THDL ngày 22/6/2020	Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo TT30 của BGD	Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo TT30 của BGD	Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo TT30 của BGD	Đảm bảo các điều kiện lên lớp theo TT30 của BGD
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Giảng dạy theo chương trình giáo dục của Bộ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 và các văn bản chỉ đạo học 2 buổi trên ngày				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều giữa gia đình và nhà trường: Thông qua trao đổi trực tiếp, sổ liên lạc, điện thoại - Thực hiện chế độ giao ban giữa nhà trường với ban đại diện CMHS - HS phải thực hiện tốt các nhiệm vụ học sinh, nội qui trường lớp, phải có thái độ học tập đúng đắn				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động NGLL, các HĐNK, GD truyền thống và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tăng cường đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tổ chức các cuộc thi, các sân chơi trí tuệ - Giáo dục học sinh ý thức vệ sinh môi trường, phòng chống tai nạn thương tích, giáo dục ý thức lao động phù hợp lứa tuổi và các hoạt động xã hội khác.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Về năng lực: 214/214 TL: 100%	Về phẩm chất: 214/214 TL: 100%	Về học tập: 209/214 TL: 100%	Về sức khỏe: 214/214 TL: 100%	
VI	Khả năng học tập tiếp	Đủ khả năng để tiếp tục học lớp trên				

	tục của học sinh	Không có HS bỏ học, 100% HS hoàn thành chương trình bậc TH, tiếp tục học tại trường THCS
--	------------------	--

Cần Giờ, ngày 30 tháng 11 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lê Ngọc Thanh

Biểu mẫu 06

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

TRƯỜNG TIỂU HỌC DOI LẦU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục Tiểu học thực tế, năm học 2020-2021

(Giữa HKI)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	214	43	37	52	47	35
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	214	43	37	52	47	35
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	Năng lực						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)					19 40.4%	12 34.3%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					28 59.6%	23 65.7%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						1 2.9%
	Phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)					40 85.1%	28 80%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					7 14.9%	7 20%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
Môn Tiếng Việt							
1	Hoàn thành tốt					7 18.9%	6 17.1%

	(tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					40 85.1%	28 80%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						1 2.9%
Môn Toán							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)					19 40.4%	12 34.3%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					28 59.6%	23 65.7%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)						
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

Cần Giờ, ngày 30 tháng 11 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lê Ngọc Thanh

Biểu mẫu 07

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

TRƯỜNG TIỂU HỌC DOI LẦU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học, năm học 2020-2021

(Giữa HKI)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	24
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	1	10.528
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1	1.000
VI	Tổng diện tích các phòng		696
1	Diện tích phòng học (m ²)	13	312
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	72
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	72
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	1	24
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	1	72
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	1	72
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	24
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	1	24
69	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1	24
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	10	1
1.1	Khối lớp 1	2	1

1.2	Khối lớp 2	2	1
1.3	Khối lớp 3	2	1
1.4	Khối lớp 4	2	1
1.5	Khối lớp 5	2	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	2	1
2.1	Khối lớp 1	2	1
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	41	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cắt xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Thiết bị khác...	2	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		8		26.8
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Cần Giờ, ngày 30 tháng 11 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)


Lê Ngọc Thanh

Biểu mẫu 08

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

TRƯỜNG TIỂU HỌC DOI LẦU

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
năm học 2020-2021 (Giữa HKI)**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	24			14	4	1	5	3	5	7		9		
I	Giáo viên	13			10	3				3	10				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	4			4				2	1	1		4		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ				1				1						
3	Tin học				1						1				
4	Âm nhạc														
5	Mỹ thuật				1				1						
6	Thể dục				1					1					
II	Cán bộ quản lý	2			2						2				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1				
III	Nhân viên	9			1	2	1	5							
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								

5	Nhân viên thư viện	1				1													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																		
7	Nhân viên Phục vụ	2						2											
8	Nhân viên Bảo vệ	3						3											
9	Tổng phụ trách																		

Cần Giờ, ngày 30 tháng 11 năm 2020
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)



Lê Ngọc Thanh